

PHƯƠNG ÁN
ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2019
(Theo Quyết định số 572/QĐ-TCTK ngày 26 tháng 7 năm 2018
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

1. Mục đích, yêu cầu điều tra

1.1 Mục đích điều tra

Cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2019 nhằm thực hiện các mục đích chính sau:

- Thu thập các thông tin cơ bản phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, phát triển doanh nghiệp của quốc gia, từng địa phương, các nhà đầu tư và các doanh nghiệp, hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp);

- Tổng hợp và biên soạn các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, các chỉ tiêu trong báo cáo chính thức hàng năm của ngành Thống kê;

- Thu thập thông tin đánh giá thực trạng về công nghiệp hỗ trợ trong ngành chế biến, chế tạo;

- Cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hàng năm, lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra thống kê chọn mẫu hàng năm; điều tra thường xuyên và các yêu cầu thống kê khác.

1.2 Yêu cầu điều tra

Cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2019 phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu giữ thông tin của cuộc điều tra phải được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra;

- Bảo đảm thu thập đầy đủ, chính xác, kịp thời, không trùng lặp, không bỏ sót các thông tin quy định trong Phương án điều tra;

- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê;

2. Đối tượng, đơn vị điều tra và phạm vi điều tra

2.1. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra của cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2019 bao gồm:

- Các doanh nghiệp được thành lập và chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp; Hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/quỹ tín dụng nhân dân (gọi chung là hợp tác xã) hoạt động theo Luật Hợp tác xã và các doanh nghiệp được thành lập, chịu sự điều tiết bởi các Luật chuyên ngành như Luật Bảo hiểm, Luật Chứng

khoán... hoạt động sản xuất kinh doanh trước thời điểm 01/01/2019 hiện đang hoạt động¹;

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp.

2.2. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là doanh nghiệp, bao gồm:

(1) Doanh nghiệp không có cơ sở trực thuộc đóng tại địa điểm khác (doanh nghiệp đơn) là doanh nghiệp chỉ có một địa điểm cố định duy nhất để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh;

(2) Doanh nghiệp có cơ sở trực thuộc đóng tại địa điểm khác là doanh nghiệp có trụ sở chính và ít nhất một cơ sở trực thuộc đóng ở nơi khác, cụ thể:

Trụ sở chính của doanh nghiệp là nơi điều hành chung hoạt động của toàn doanh nghiệp. Trụ sở chính chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp có ít nhất 01 cơ sở trực thuộc đóng ở địa điểm khác; Cơ sở trực thuộc là cơ sở sản xuất kinh doanh nằm ngoài trụ sở chính của doanh nghiệp.

(3) Đối với tập đoàn, tổng công ty:

- Đối với 59 tập đoàn, tổng công ty có hoạt động hạch toán toàn ngành thuộc các lĩnh vực: bưu chính, viễn thông, điện lực, bảo hiểm, hàng không, đường sắt, ngân hàng có nhiều đơn vị chi nhánh đóng trên phạm vi cả nước, Tổng cục Thống kê sẽ tổ chức điều tra khối văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc đóng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ tiến hành thu thập thông tin đối với các doanh nghiệp hạch toán độc lập, không thuộc hoạt động hạch toán toàn ngành, trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty này có địa điểm đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Danh sách các tập đoàn, tổng công ty được đề cập tại phụ lục 1);

- Đối với các tập đoàn, tổng công ty còn lại (không bao gồm 59 tập đoàn, tổng công ty nêu trên): các Cục Thống kê thực hiện điều tra, đơn vị điều tra là: (1) Văn phòng tập đoàn, tổng công ty (báo cáo phân hoạt động của Văn phòng tập đoàn, tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc vào Văn phòng tập đoàn, tổng công ty); (2) các doanh nghiệp trực thuộc tập đoàn, tổng công ty hạch toán kinh tế độc lập;

- Đối với các tập đoàn, tổng công ty tổ chức theo mô hình công ty mẹ, công ty con: Đơn vị điều tra là công ty mẹ và các công ty thành viên là công ty con hạch toán kinh tế độc lập.

2.3. Phạm vi điều tra

Cuộc điều tra bao gồm các doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thuộc đối tượng điều tra có địa điểm đóng trên phạm vi toàn quốc, hoạt động trong tất cả các ngành quy định trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân VSIC 2018 (trừ ngành O- Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị-xã hội, quản lý

¹ Bao gồm: Các doanh nghiệp đang hoạt động là những doanh nghiệp trong năm 2018 có hoạt động sản xuất kinh doanh, có phát sinh doanh thu/ chi phí và thuế VAT.

nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc; và ngành T- Hoạt động làm thuê các công việc trong các gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình do đối tượng điều tra không phát sinh trong các ngành này).

3. Thời điểm, thời kỳ số liệu, thời gian thu thập số liệu

3.1. Thời điểm, thời kỳ số liệu

a) Các thông tin về lao động, giá trị tài sản, nguồn vốn, sản phẩm dở dang, thành phẩm tồn kho: Thu thập thông tin tại hai thời điểm 01/01/2018 và 31/12/2018.

b) Các thông tin thu thập theo thời kỳ (kết quả sản xuất kinh doanh, sản phẩm, chi phí, thuế,...): Là số liệu chính thức của cả năm 2018.

3.2. Thời gian thu thập số liệu

Thời gian triển khai thu thập số liệu: từ 01/3/2019 đến 19/5/2019

4. Nội dung điều tra, phiếu điều tra

4.1. Nội dung điều tra

4.1.1. *Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra, bao gồm:* Tên doanh nghiệp; Địa chỉ, điện thoại, fax, email; Loại hình doanh nghiệp; Ngành hoạt động SXKD.

4.1.2. *Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động, bao gồm:* Lao động; Thu nhập của người lao động.

4.1.3. *Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh, bao gồm:* Tài sản và nguồn vốn; Kết quả sản xuất kinh doanh; Thuế và các khoản nộp ngân sách; Tiêu dùng năng lượng; Vốn đầu tư.

4.1.4. *Thông tin về các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, bao gồm:* Tên cơ sở; Ngành hoạt động SXKD; Sản lượng/sản phẩm; Lao động; Doanh thu.

4.1.5. *Sử dụng công nghệ trong sản xuất, bao gồm:* Tình hình sử dụng công nghệ/máy móc thiết bị sản xuất, công nghệ thông tin và truyền thông; Cơ cấu đầu vào/đầu ra và quan hệ với nhà cung cấp/khách hàng; Các kênh chuyển giao công nghệ; Năng lực đổi mới và cải tiến công nghệ.

4.1.6. *Thông tin về công nghiệp hỗ trợ, bao gồm:* Thông tin định lượng, định tính về sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, thông tin về khách hàng/nhà cung cấp của doanh nghiệp và thông tin hỗ trợ doanh nghiệp của ba chủ thể (đơn vị sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ - Bên Cung; đơn vị sử dụng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ để sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh – Bên Cầu và ý kiến đánh giá tác động chính sách của Chính phủ)

4.2. Phiếu điều tra

Cuộc điều tra sử dụng 18 loại phiếu điều tra, cụ thể gồm:

(1) **Phiếu số 1A/ĐTDN-DN: Phiếu thu thập thông tin đối với doanh nghiệp, HTX - Áp dụng chung cho các DN nhà nước, DN ngoài nhà nước, DN có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã được chọn vào mẫu điều tra;**

(2) **Phiếu số 1A.2/ĐTDN-CN: Kết quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động công nghiệp;**

(3) **Phiếu số 1A.2m/ĐTDN-DVGC: Phiếu thu thập thông tin về dịch vụ gia công hàng hóa với nước ngoài - Áp dụng cho các DN có thực hiện hoạt động gia công, lắp ráp hàng hóa trực tiếp với nước ngoài;**

(4) **Phiếu số 1A.3/ĐTDN-XD: Kết quả hoạt động xây dựng - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động xây dựng;**

(5) **Phiếu số 1A.4/ĐTDN-TN: Kết quả hoạt động thương nghiệp - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;**

(6) **Phiếu số 1A.5.1/ĐTDN-VT: Kết quả hoạt động vận tải, bưu chính, chuyển phát - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động vận tải, bưu chính, chuyển phát;**

(7) **Phiếu số 1A.5.2/ĐTDN-KB: Kết quả hoạt động kho bãi, bốc xếp, hỗ trợ vận tải - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động kho bãi, hỗ trợ vận tải;**

(8) **Phiếu số 1A.6.1/ĐTDN-LTAU: Kết quả hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động dịch vụ lưu trú và ăn uống;**

(9) **Phiếu số 1A.6.2/ĐTDN-DL: Kết quả hoạt động dịch vụ du lịch lữ hành - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động dịch vụ du lịch lữ hành và các hoạt động hỗ trợ du lịch;**

(10) **Phiếu số 1A.7/ĐTDN-TC: Kết quả hoạt động dịch vụ tài chính và một số chỉ tiêu về tín dụng, huy động vốn, lãi suất - Áp dụng cho các cơ sở thuộc các tổ chức tín dụng: ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô;**

(11) **Phiếu số 1A.8/ĐTDN-BH: Kết quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm và môi giới bảo hiểm - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động kinh doanh bảo hiểm và môi giới bảo hiểm;**

(12) **Phiếu số 1A.9.1/ĐTDN-BDS: Kết quả hoạt động dịch vụ kinh doanh bất động sản - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động kinh doanh, tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;**

(13) **Phiếu số 1A.9.2/ĐTDN-CNTT: Kết quả hoạt động thông tin truyền thông - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động thông tin truyền thông;**

(14) **Phiếu số 1A.9.3/ĐTDN-DVK: Kết quả hoạt động dịch vụ khác - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động thuộc ngành dịch vụ được liệt kê trong phiếu;**

(15) **Phiếu số 1Am/ĐTDN-KH: Phiếu thu thập thông tin về sử dụng công nghệ trong sản xuất - Áp dụng cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được chọn mẫu điều tra;**

(16) **Phiếu số 1B/ĐTDN-DS: Phiếu doanh nghiệp/HTX lập danh sách - Áp dụng cho các doanh nghiệp ngoài nhà nước, hợp tác xã thuộc đối tượng lập danh sách;**

(17) Phiếu số 2.1/ĐTDN-CNHT: Phiếu thu thập thông tin về công nghiệp hỗ trợ - Áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng;

(18) Phiếu số 2.2/ĐTDN-ĐGHT: Phiếu thu thập thông tin đánh giá về công nghiệp hỗ trợ - Áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh được chọn mẫu điều tra.

5. Các phân loại, danh mục sử dụng trong điều tra

Cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2019 sử dụng các bảng danh mục sau:

(1) Bảng phân ngành kinh tế: Áp dụng Bảng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ (VSIC 2018);

(2) Danh mục các đơn vị hành chính: Áp dụng Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm 31/12/2018;

(3) Danh mục các nước và vùng lãnh thổ: Áp dụng Bảng danh mục các nước được ban hành trong tài liệu: “Các loại danh mục áp dụng cho điều tra toàn bộ doanh nghiệp năm 2006”;

(4) Danh mục sản phẩm công nghiệp: Phát triển trên cơ sở Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

(5) Danh mục năng lực mới tăng của các dự án, công trình và hạng mục công trình ban hành kèm theo phương án điều tra.

6. Loại điều tra

Cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2019 được thực hiện theo phương pháp điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu.

6.1. Lập danh sách đơn vị điều tra

- Danh sách các doanh nghiệp/cơ sở đã thu được phiếu trong cuộc điều tra doanh nghiệp 2018 (có tại Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - viết gọn là Cục Thống kê cấp tỉnh);

- Danh sách doanh nghiệp mới thành lập trong năm 2018 (do Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thuế cấp, Tổng cục Thống kê tổng hợp gửi Cục Thống kê cấp tỉnh);

- Danh sách doanh nghiệp thuộc đối tượng và phạm vi điều tra có được từ các nguồn thông tin khác.

6.2. Chọn đơn vị điều tra

6.2.1. Các doanh nghiệp sau đây được chọn điều tra toàn bộ theo phiếu số 1A/ĐTDN-DN

- Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa có vốn nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ;

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;
- Doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 100 lao động trở lên (riêng doanh nghiệp hoạt động ngành thương mại có từ 50 lao động trở lên);
- Các doanh nghiệp có hoạt động SXKD chính trong các ngành: Lưu trú; vận tải (hàng không, đường biển và đường sắt);
- Doanh nghiệp có từ 2 cơ sở trực thuộc trở lên, trong đó có ít nhất 1 cơ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với trụ sở chính của doanh nghiệp;
- Doanh nghiệp thuộc đối tượng thực hiện phiếu số 2.1/ĐTDN-CNHT; Tổng cục Thống kê lập và gửi Cục Thống kê cấp tỉnh triển khai thực hiện.

- 6 tỉnh có số lượng doanh nghiệp không lớn gồm: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Điện Biên và Lai Châu: Điều tra toàn bộ các doanh nghiệp theo phiếu 1A/ĐTDN-DN.

6.2.2. Điều tra chọn mẫu doanh nghiệp thực hiện phiếu số 1A/ĐTDN-DN

Áp dụng đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước dưới 100 lao động

a) Lập dàn chọn mẫu

Dàn chọn mẫu điều tra phiếu số 1A/ĐTDN-DN được lập dựa trên danh sách các doanh nghiệp ngoài nhà nước có dưới 100 lao động có đến thời điểm 31/12/2018 của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Dàn mẫu doanh nghiệp từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được lập theo quy mô lao động (dưới 10 lao động, từ 10-49 và từ 50-99 lao động) và theo các ngành kinh tế cấp 4; trong mỗi ngành kinh tế thuộc dàn mẫu, các doanh nghiệp được sắp xếp theo thứ tự giảm dần của chỉ tiêu lao động có tại thời điểm 31/12/2018.

b) Chọn mẫu điều tra

- Đối với nhóm doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 50-99 lao động: Chọn 50% số doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các ngành;

- Đối với nhóm doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 10-49 lao động: Chọn 20% số doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp, xây dựng, bảo hiểm, trung gian tài chính, các địa phương: Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Dương chọn 15% và 15% số doanh nghiệp hoạt động trong ngành thương mại và dịch vụ - trừ ngành bảo hiểm, trung gian tài chính, các địa phương: Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Dương chọn 10%;

- Đối với nhóm doanh nghiệp ngoài nhà nước dưới 10 lao động: Chọn 10% số doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các ngành, các địa phương: Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Dương chọn 7%;

Riêng các doanh nghiệp mẫu tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh được chọn như sau:

- Các doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 50 đến 99 lao động: Chọn mẫu điều tra 50%.

- Các doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 10 đến 49 lao động: Chọn mẫu điều tra 10%.

- Các doanh nghiệp ngoài nhà nước dưới 10 lao động: Chọn mẫu điều tra 5%.

Mẫu chọn theo nguyên tắc đại diện cho từng ngành kinh tế cấp 4 (VSIC 2018) trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo phương pháp ngẫu nhiên rải đều.

Danh sách mẫu các doanh nghiệp điều tra theo phiếu 1A/ĐTDN-DN do Tổng cục Thống kê chọn và gửi các Cục Thống kê cấp tỉnh để điều tra.

Các doanh nghiệp ngoài nhà nước không thuộc đối tượng điều tra phiếu số 1A/ĐTDN-DN sẽ thu thập thông tin theo phiếu số 1B/ĐTDN-DS.

6.2.3. Mẫu điều tra phiếu 1Am/ĐTDN-KH: Phiếu thu thập thông tin về sử dụng công nghệ trong sản xuất:

Dàn mẫu doanh nghiệp được chọn điều tra phiếu số 1Am/ĐTDN-KH là dàn mẫu đã được chọn cố định điều tra năm 2016 thuộc doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Trường hợp mất mẫu, Cục Thống kê cấp tỉnh không chọn mẫu thay thế.

6.2.4. Điều tra phiếu 2.1/ĐTDN-CNHT: Phiếu thu thập thông tin về công nghiệp hỗ trợ:

Điều tra toàn bộ các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

6.2.5. Điều tra phiếu 2.2/ĐTDN-ĐGHT: Phiếu thu thập thông tin đánh giá về công nghiệp hỗ trợ:

a) Lập dàn chọn mẫu

Dàn chọn mẫu điều tra phiếu số 2.2/ĐTDN-ĐGHT được lập dựa trên danh sách các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh thuộc ngành quy định.

b) Chọn mẫu điều tra

Mẫu chọn theo nguyên tắc đại diện cho toàn quốc và cho từng ngành sản phẩm. Chọn 10% số lượng doanh nghiệp có doanh thu từ cao xuống thấp của ngành sản phẩm.

6.2.6. Chọn mẫu thay thế trong trường hợp mất mẫu

- Đối với những doanh nghiệp thực hiện phiếu số 1A/ĐTDN-DN: Nếu doanh nghiệp không phát sinh doanh thu/chi phí và thuế VAT thì không thực hiện phiếu số 1A/ĐTDN-DN và chuyển sang thực hiện phiếu số 1B/ĐTDN-DS;

- Đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước (dưới 100 lao động) được chọn vào mẫu điều tra phiếu số 1A/ĐTDN-DN: Nếu doanh nghiệp ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, không phát sinh doanh thu/chi phí và thuế VAT hoặc thay đổi ngành hoạt động sản xuất kinh doanh chính thì Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp tỉnh chủ động chọn mẫu thay thế theo nguyên tắc: Chọn

doanh nghiệp cùng loại hình doanh nghiệp, cùng ngành kinh tế cấp 4 và quy mô doanh thu hoặc lao động bằng hoặc tương đương với doanh nghiệp được thay thế và báo cáo Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương (qua Vụ Thống kê Công nghiệp, Tổng cục Thống kê).

- Đối với doanh nghiệp được chọn vào mẫu điều tra Phiếu số 2.2/ĐTDN-ĐGHT: Nếu doanh nghiệp ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, không phát sinh doanh thu/chỉ phí và thuế VAT hoặc thay đổi sản phẩm chính (không thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ) thì Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp tỉnh chủ động chọn mẫu thay thế theo nguyên tắc: Chọn doanh nghiệp cùng ngành sản phẩm và quy mô doanh thu hoặc lao động bằng hoặc tương đương với doanh nghiệp được thay thế và báo cáo Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương (qua Vụ Thống kê Công nghiệp, Tổng cục Thống kê).

6.2.7. *Tổng hợp kết quả*: Kết quả điều tra được tổng hợp theo hệ thống biểu mẫu ra chung cho toàn bộ khu vực doanh nghiệp và các chuyên ngành, bao gồm các chỉ tiêu tổng hợp thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện của khu vực doanh nghiệp. Hệ thống biểu tổng hợp được cài đặt trong phần mềm nhập tin và tổng hợp kết quả do Tổng cục Thống kê biên soạn.

7. Phương pháp thu thập số liệu

Do tính chất phức tạp của nội dung điều tra và trình độ của cán bộ kế toán, thống kê cũng như ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị điều tra khác nhau, nên áp dụng các phương pháp thu thập số liệu sau đây:

(1) *Thu thập trực tiếp*: Điều tra viên phỏng vấn trực tiếp kế toán trưởng, cán bộ kế toán hoặc thống kê của doanh nghiệp về nội dung điều tra và ghi vào phiếu điều tra.

(2) *Thu thập gián tiếp*: Tổ chức hội nghị tập huấn cho kế toán trưởng, cán bộ kế toán hoặc thống kê của doanh nghiệp về phương án điều tra, nội dung điều tra và hướng dẫn cách ghi thông tin vào phiếu điều tra, đồng thời quy định địa chỉ nơi nhận, thời gian để các doanh nghiệp tự ghi thông tin vào phiếu điều tra và gửi cho cơ quan điều tra.

(3) *Thu thập số liệu qua bảng hỏi điện tử*: Áp dụng cho các doanh nghiệp có điều kiện về công nghệ thông tin như: máy tính, kết nối internet,... Doanh nghiệp lấy phiếu điều tra điện tử từ trang Web của Tổng cục Thống kê, ghi trực tiếp thông tin vào phiếu và gửi qua đường thư điện tử tới Cục Thống kê nơi doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

8. Kế hoạch tiến hành điều tra

8.1. *Chuẩn bị điều tra*: Thời gian thực hiện từ tháng 11/2018 đến tháng 02/2019, gồm các công việc:

- a) Xây dựng phương án điều tra;
- b) Lập và rà soát danh sách các đơn vị điều tra;
- c) Chọn mẫu điều tra;

- d) In phương án và phiếu điều tra;
- e) Xây dựng hệ thống biểu tổng hợp đầu ra và chương trình phần mềm nhập tin, chương trình kiểm tra và tổng hợp kết quả điều tra cho các tỉnh, thành phố và toàn quốc;
- f) Tập huấn phương án điều tra cấp Trung ương cho các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

8.2. Triển khai điều tra: Thời gian thực hiện từ 15/02/2019 đến 20/5/2019, gồm các công việc:

a) Cục Thống kê cấp tỉnh tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên theo tiêu chuẩn quy định, tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên và hướng dẫn các doanh nghiệp về nội dung và phương pháp ghi phiếu điều tra trên cơ sở phương án điều tra do Tổng cục Thống kê quy định;

b) Triển khai thu thập thông tin tại các đơn vị điều tra: Từ 01/3/2019 đến 19/5/2019;

c) Chinh lý, đánh mã phiếu điều tra tại các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: trước ngày 20/5/2019.

8.3. Nhập tin, xử lý và nghiệm thu số liệu: Thời gian thực hiện từ 21/5/2019 đến 15/8/2019, gồm các công việc:

a) Nhập tin số liệu về doanh nghiệp sẽ được thực hiện tại các Cục Thống kê cấp tỉnh, xử lý, kiểm tra số liệu, nghiệm thu cấp huyện; báo cáo giải trình, cảnh báo lỗi và truyền kết quả nhập tin về Tổng cục Thống kê: **Trước ngày 21/6/2019.**

Chương trình nhập tin, kiểm tra, nghiệm thu và tổng hợp số liệu được thực hiện trên cùng một chương trình phần mềm thống nhất cho toàn quốc do Tổng cục Thống kê biên soạn và gửi tới Cục Thống kê cấp tỉnh qua mạng GSO.

b) Nghiệm thu số liệu: Sau khi nhận được số liệu đã nhập tin của các Cục Thống kê cấp tỉnh truyền về Tổng cục Thống kê, Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu kết quả của các Cục Thống kê cấp tỉnh qua mạng hoặc trực tiếp tại Cục Thống kê trước ngày 30/7/2019.

8.4. Rà soát, chuyển đổi dữ liệu khai thác thông tin từ Tổng cục Thuế: Tổng cục Thống kê thực hiện từ tháng 01/2019 đến tháng 7/2019, gồm các công việc:

a) Nghiên cứu cấu trúc, nội dung các trường dữ liệu từ Tổng cục Thuế (TCT).

b) Xây dựng các bảng danh mục, ánh xạ để chuyển đổi dữ liệu từ TCT sang cơ sở dữ liệu (CSDL) Tổng cục Thống kê.

c) Xây dựng metadata, phần mềm chuyển đổi dữ liệu từ TCT vào CSDL điều tra doanh nghiệp.

d) Kiểm tra, xác minh số liệu thực tế tại Tổng cục Thống kê, Tổng cục Thuế và các Cục Thống kê cấp tỉnh.

e) Tổng hợp số liệu từ CSDL thuế vào kết quả điều tra doanh nghiệp.

8.5. Tổng hợp, phân tích và phổ biến kết quả điều tra

- a) Kiểm tra, tổng hợp kết quả điều tra của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 21/6/2019 đến 10/10/2019.
- b) Phổ biến kết quả tổng hợp nhanh điều tra doanh nghiệp: Tháng 10/2019.
- c) Công bố bộ chỉ tiêu đánh giá mức độ phát triển doanh nghiệp cả nước và các địa phương: ngày 13 tháng 10 năm 2019.
- d) Phổ biến kết quả đầy đủ điều tra doanh nghiệp: Tháng 12/2019.
- e) Biên soạn và công bố sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2019: Tháng 12/2019.

9. Tổ chức chỉ đạo thực hiện

9.1. Cấp Trung ương: Thành lập Tổ thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chỉ đạo triển khai thực hiện cuộc điều tra, cụ thể:

(1) Vụ Thống kê Công nghiệp: Chủ trì, phụ trách chung, phối hợp với các thành viên trong Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương xây dựng phương án điều tra, tài liệu hướng dẫn điều tra doanh nghiệp, tập huấn nghiệp vụ, tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát thực hiện toàn bộ cuộc điều tra theo quy định của phương án. Đồng thời, khai thác, xử lý và chuyển đổi dữ liệu hành chính khai thác từ Tổng cục Thuế vào kết quả điều tra doanh nghiệp hàng năm.

(2) Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai điều tra thu thập thông tin, phân bổ kết quả sản xuất cho các địa phương đối với các phiếu điều tra thuộc 59 tập đoàn, tổng công ty hạch toán toàn ngành được quy định trong phụ lục 1.

(3) Vụ Kế hoạch tài chính: Hướng dẫn và phân bổ kinh phí điều tra doanh nghiệp cho các Cục Thống kê cấp tỉnh và các đơn vị liên quan.

(4) Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, thanh tra các hoạt động của cuộc Điều tra này do Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương và Cục Thống kê cấp tỉnh trực thuộc Trung ương thực hiện. Tổng cục Thống kê thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát và thanh tra do Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê chủ trì có sự tham gia của Vụ Kế hoạch tài chính, thành viên Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương.

(5) Các đơn vị trong Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương: Phối hợp với Vụ Thống kê Công nghiệp triển khai cuộc điều tra, gồm các công việc: Xây dựng biểu tổng hợp kết quả điều tra, thuật toán kiểm tra logic doanh nghiệp và cơ sở theo chuyên ngành phụ trách, tham gia các đoàn công tác kiểm tra, giám sát của Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương, nghiệm thu kết quả điều tra.

(6) Trung tâm Tin học thống kê khu vực I: Xây dựng chương trình nhập tin, kiểm tra logic, tổng hợp toàn bộ kết quả điều tra doanh nghiệp chung và các chuyên ngành theo yêu cầu của Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp

cấp Trung ương, đồng thời xây dựng chương trình xử lý, cập nhật dữ liệu khai thác từ CSDL thuế vào kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2019.

9.2. Cấp địa phương: Thành lập Tổ thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp tỉnh giúp Cục trưởng chỉ đạo, triển khai thực hiện điều tra doanh nghiệp trên địa bàn theo đúng phương án điều tra và hướng dẫn của Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương.

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê trong triển khai thực hiện cuộc điều tra theo phương án quy định, đảm bảo chất lượng thông tin thu thập, quản lý và sử dụng kinh phí điều tra đúng chế độ, hiệu quả.

Để đảm bảo cuộc điều tra doanh nghiệp hàng năm đạt hiệu quả cao, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần phân công hợp lý các phòng nghiệp vụ phối hợp chặt chẽ với Tổ thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp tỉnh và chịu trách nhiệm chính trong triển khai điều tra thu thập thông tin và quản lý số liệu của các doanh nghiệp/cơ sở thuộc phạm vi chuyên ngành phụ trách.

10. Kinh phí điều tra

Tổng cục Thống kê cấp kinh phí bảo đảm yêu cầu khối lượng công việc của phương án điều tra. Kinh phí điều tra được phân bổ hai lần theo kế hoạch phân bổ kinh phí điều tra năm 2019 của Tổng cục Thống kê. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính và hướng dẫn thực hiện quyết toán kinh phí điều tra năm 2019 của Tổng cục Thống kê.

Tổ trưởng Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được cấp để thực hiện tốt cuộc điều tra theo phương án quy định./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Bích Lâm

PHỤ LỤC 1:

Danh sách các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp có hoạt động hạch toán toàn hệ thống

1. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;
2. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;
3. Tổng công ty Dịch vụ viễn thông (VNPT-Vinaphone);
4. Công ty cổ phần FPT;
5. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel);
6. Tổng công ty cổ phần Bưu chính Viettel;
7. Tổng công ty Viễn thông Mobiphone;
8. Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
9. Tập đoàn Bảo Việt;
10. Tổng công ty cổ phần Bảo Minh;
11. Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam;
12. Tổng công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam;
13. Công ty Bảo hiểm nhân thọ Manulife;
14. Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex;
15. Công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện (PTI);
16. Công ty TNHH bảo hiểm Dai - Ichi life;
17. Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam);
18. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
19. Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
20. Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;
21. Công ty cổ phần Hàng không Vietjet;
22. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
23. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
24. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
25. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;
26. Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu;
27. Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương tín;
28. Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam;
29. Ngân hàng TMCP Á Châu;
30. Ngân hàng TMCP Đông Á;
31. Ngân hàng TMCP Quân đội;
32. Ngân hàng TMCP Sài gòn;
33. Ngân hàng TMCP Sài gòn - Hà Nội;
34. Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố HCM;
35. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng;

36. Ngân hàng TNHH một thành viên Dầu khí toàn cầu;
37. Ngân hàng TNHH một thành viên Đại Dương;
38. Ngân hàng TNHH một thành viên Xây dựng;
39. Ngân hàng TMCP An Bình;
40. Ngân hàng TMCP Bảo Việt;
41. Ngân hàng TMCP Bản Việt;
42. Ngân hàng TMCP Bắc Á;
43. Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt;
44. Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam;
45. Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
46. Ngân hàng TMCP Hàng Hải;
47. Ngân hàng TMCP Kiên Long;
48. Ngân hàng TMCP Nam Á;
49. Ngân hàng TMCP Phương Đông;
50. Ngân hàng TMCP Quốc Tế;
51. Ngân hàng TMCP Quốc dân;
52. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
53. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương;
54. Ngân hàng TMCP Tiên Phong;
55. Ngân hàng TMCP Việt Á;
56. Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex;
57. Ngân hàng Chính sách xã hội;
58. Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
59. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.